

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21 /2022/HNGĐ-PT

Ngày: 16 - 9 - 2022

V/v Tranh chấp về nuôi con,

chia tài sản khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Minh.

Các Thẩm phán: Ông Võ Thạch Hùng

Ông Trần Quốc Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tâm - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 03/2022/TLPT-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 về việc “Tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”. Do Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 34/2021/HNGĐ- ST ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2022/QĐXX-HNGĐPT ngày 01 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Hồng N, sinh năm 1980; địa chỉ: Xóm H, xã X, huyện Nam Đ tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Đinh Thị T, sinh năm 1981; địa chỉ: Xóm H, xã X, huyện Nam Đ tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1976 và anh Phan Bá Hưng, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn Liên Sơn, xã Phong T, huyện Thanh C, tỉnh Nghệ An. Có đơn xin xử vắng mặt

2. Ông Nguyễn Tư N, sinh năm 1954; địa chỉ: Số 41, đường Tân Phúc, khối Tân Phúc, phường Hưng P, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Có đơn xin xử vắng mặt

3. Anh Nguyễn Tư L, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 41, đường Tân Phúc, khối Tân Phúc, phường Hưng P, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Có đơn xin xử vắng mặt

4. Anh Nguyễn Hữu H, sinh năm 1976; địa chỉ: Xóm H, xã X, huyện Nam Đ tỉnh Nghệ An. Có đơn xin xử vắng mặt

* Người kháng cáo: Chị Đinh Thị T - Bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 05/11/2021 cũng như bản tự khai, lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ, hòa giải và tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn anh Nguyễn Hồng N trình bày:

Giữa anh Nga và chị Đinh Thị T kết hôn ngày 27/6/2006, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình sinh sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không phù hợp về tính cách, lối sống, quan điểm đối nhân xử thế. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên từ tháng 9/2019 đến nay vợ chồng không chung sống với nhau, không quan tâm, chăm sóc nhau. Nay nguyên đơn thấy không còn tình nghĩa vợ chồng nên yêu cầu ly hôn chị Đinh Thị T. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Tư P, sinh ngày 21 tháng 3 năm 2007 và Nguyễn Tư N, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2014. Ly hôn, anh Nga có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung đến khi trưởng thành, không yêu cầu chị Đinh Thị T cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp không được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con thì giao mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung. Về tài sản chung: Nguyên đơn yêu cầu chia các tài sản chung gồm: Quyền sử dụng đất và toàn bộ công trình tài sản trên đất tại thửa đất số 2609, tờ bản đồ số 09, diện tích 226 m² tại Xóm H, xã X, huyện Nam Đ tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 21/01/2008 mang tên Nguyễn Hồng N và Đinh Thị T; 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota, loại Vios, biển kiểm soát 37A-441.02 mang tên Nguyễn Tư L. Về tài sản chung, anh Nguyễn Hồng N đề nghị chia đôi tài sản một nửa, chị Đinh Thị T có nguyện vọng nhận nhà, đất thì giao nhà đất cho chị Đinh Thị T còn giao xe ô tô cho nguyên đơn. Cân đối tài sản bên nào nhận hơn sẽ trả chênh lệch cho bên kia theo giá trị đã định giá. Về nợ chung: Vợ chồng nợ ông Nguyễn Tư N số tiền 200.000.000 đồng để mua xe ô tô và 01 cây vàng của vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh H trị giá tại thời điểm hiện tại là 51.000.000 đồng. Nguyên đơn yêu cầu chia đôi các khoản nợ trên mỗi người một nửa.

Tại các bản tự khai, lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa bị đơn chị Đinh Thị T thống nhất lời khai của nguyên đơn về xác lập quan hệ hôn nhân và điều kiện chung sống. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống nhưng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Nguyễn Hồng N không tôn trọng và lợi dụng bị đơn. Từ tháng 9/2019 đến nay vợ chồng không chung sống với nhau, không quan tâm, chăm sóc nhau nên bị đơn yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hồng N. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như nguyên đơn trình bày. Vợ chồng ly hôn bị đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung đến khi trưởng thành và yêu cầu anh Nguyễn Hồng N cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng cho con chung Nguyễn Tư N đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Về tài sản chung của vợ chồng: Bị đơn thống nhất các tài sản chung như nguyên đơn trình bày. Vợ chồng ly hôn bị đơn đề nghị tài sản chia đôi theo pháp luật. Bị đơn có nguyện vọng được nhận đất và các công trình trên đất (trừ 01 nhà ở vì một phần nhà đang nằm trên đất người khác) và giao xe ô tô cho anh Nguyễn Hồng N. Cân đối tài sản bên nào nhận hơn sẽ trả chênh lệch cho bên kia. Về nợ chung: Vợ chồng nợ 01 cây vàng của vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh H trị giá tại thời điểm hiện tại là 51.000.000 đồng. Bị đơn yêu cầu chia đôi khoản nợ này mỗi người một nửa với điều kiện phải có mặt vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh H tại phiên tòa. Bị đơn không chấp nhận khoản nợ ông Nguyễn Tư N số tiền 200.000.000 đồng vì bị đơn không biết khoản nợ này và không ký vào giấy vay tiền.

Tại bản tự khai, lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Phan Bá Hưng thống nhất khai: Năm 2009 cho vợ chồng anh Nguyễn Hồng N và chị Đinh Thị T vay 01 cây vàng nhưng nhận bằng tiền mặt tương đương giá trị 01 cây vàng tại thời điểm vay. Khi vay anh Nguyễn Hồng N và chị Đinh Thị T hứa sẽ trả trong thời gian sớm nhất nhưng đến nay chưa trả. Nay yêu cầu anh Nguyễn Hồng N và chị Đinh Thị T trả nợ 01 cây vàng bằng tiền tương đương giá trị thời điểm hiện tại là 51.000.000 đồng (Năm mươi một triệu đồng), không tính lãi suất.

Tại bản tự khai, lời khai trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tư N trình bày: Năm 2018 anh Nguyễn Hồng N mua xe ô tô nên trước khi anh Nguyễn Hồng N ra Hà Nội mua xe, ông Nguyễn Tư N đã chuyển vào tài khoản cho anh Nguyễn Hồng N vay số tiền

200.000.000 đồng. Vợ chồng ly hôn ông Nguyễn Tư N yêu cầu anh Nguyễn Hồng N và chị Đinh Thị T trả nợ số tiền gốc là 200.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Tại bản tự khai, lời khai trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Tư L trình bày: Chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota, loại Vios, biển kiểm soát 37A-441.02 mang tên Nguyễn Tư L là tài sản chung của anh Nguyễn Hồng N và chị Đinh Thị T nên do vợ chồng anh Nguyễn Hồng N chị Đinh Thị T giải quyết. Sau này Tòa chia xe này cho ai thì người đó làm thủ tục để sang tên, anh Nguyễn Tư L không liên quan và không yêu cầu quyền lợi gì đối với chiếc xe này.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 19/3/2021, anh Nguyễn Hữu H yêu cầu lấy lại diện tích đất mà vợ chồng anh Nguyễn Hồng N và chị Đinh Thị T đã làm nhà trên đất của gia đình anh Nguyễn Hữu H. Tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai ngày 25/10/2021 anh Nguyễn Hữu H trình bày: Đối với phần đất anh Nguyễn Hồng N và chị Đinh Thị T làm nhà ở khoảng từ 17 đến 19 m² là anh Nguyễn Hữu H tự nguyện cho nên không có yêu cầu gì về việc đã cho đất. Hiện tại anh Nguyễn Hữu H không có tranh chấp, không yêu cầu gì đối với phần diện tích đã cho nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản lấy lời khai ngày 03/8/2021, cháu Nguyễn Tư P và cháu Nguyễn Tư N đều trình bày nguyện vọng khi bố mẹ ly hôn được sống cùng bố Nguyễn Hồng N.

Tại Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 34/2021/HNGĐ- ST ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An đã quyết định: Căn cứ vào Điều 27, Điều 29, khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 32, Điều 33, Điều 37, Điều 51, Điều 55, Điều 59, Điều 60, Điều 69, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 213, Điều 385, Điều 398, Điều 401, Điều 463, Điều 464, Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Hồng N

và chị Đinh Thị T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Tư P, sinh ngày 21 tháng 3 năm 2007 cho anh Nguyễn Hồng N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Giao con chung Nguyễn Tư N, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2014 cho chị Đinh Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do cả hai bên đều trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh Nguyễn Hồng N và chị Đinh Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về chia tài sản chung:

3.1. Chia cho anh Nguyễn Hồng N được quyền sở hữu 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota, loại Vios, màu nâu vàng, số khung RL4B29F35J5039617, số máy 2NR X314704, biển kiểm soát 37A-441.02 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 095798, ngày 14/6/2019 của Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Nghệ An mang tên Nguyễn Tư L trị giá 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng). Anh Nguyễn Hồng N được nhận số tiền chênh lệch tài sản chung được chia do chị Đinh Thị T giao lại là 197.513.500 đồng (Một trăm chín mươi bảy triệu năm trăm mười ba nghìn năm trăm đồng).

3.2. Chia cho chị Đinh Thị T được quyền sử dụng thửa đất số 2609, tờ bản đồ số 09 nay là thửa số 3439, tờ bản đồ số 09, Xóm H, xã X, huyện Nam Đ tỉnh Nghệ An, diện tích là 226 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An cấp ngày 21/01/2008 mang tên Nguyễn Hồng N và Đinh Thị T trị giá 678.000.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi tám triệu đồng). Tạm giao cho chị Đinh Thị T được quyền sử dụng diện tích đất chưa được công nhận là 49,4 m² tại thửa đất số 2609, tờ bản đồ số 09 nay là thửa số 3439, tờ bản đồ số 09 Xóm H, xã X, huyện Nam Đ tỉnh Nghệ An. Chị Đinh Thị T có quyền, nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan hành chính Nhà nước có thẩm quyền để được xem xét công nhận và làm thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Chia cho chị Đinh Thị T được sở hữu toàn bộ các công trình trên gồm thửa đất số 2609, tờ bản đồ số 09 nay là thửa số 3439, tờ bản đồ số 09 Xóm H, xã X, huyện Nam Đ tỉnh Nghệ An gồm: 01 nhà ở 01 tầng xây gạch chỉ, lợp mái tôn

thường, nền lát gạch men trị giá 65.780.000 đồng; 01 nhà ô tô dạy học xây táplô, mái lợp tôn thường trị giá 18.816.000 đồng; công trình phụ xây gạch chỉ, nền lát gạch men, mái tôn trị giá 32.900.000 đồng; 01 chuồng gà xây táplô, nền láng xi măng trị giá 6.016.000 đồng; 01 bể nước công tròn, không có cốt thép trị giá 4.500.000 đồng; trụ cổng lõi bê tông cốt thép, xây bao gạch chỉ, ngoài ốp đá trị giá 4.800.000 đồng; mái cổng bê tông cốt thép, lợp ngói nung trị giá 3.800.000 đồng; cửa cổng thép hộp trị giá 5.880.000 đồng; mái tôn thường che sân trị giá 13.250.000 đồng; sân lát gạch men trị giá 5.088.000 đồng; tường xây táplô da trát trị giá 490.000 đồng; tường xây táplô trước nhà ở trị giá 1.800.000 đồng; bờ rào khung thép lưới B40 trị giá 1.450.000 đồng; tường rào xây táplô trị giá 936.000 đồng; ốp đá mặt trong hàng rào trị giá 1.521.000 đồng. Tổng trị giá công trình trên đất là 167.027.000 đồng (Một trăm sáu mươi bảy triệu không trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

Buộc chị Đinh Thị T có nghĩa vụ giao lại cho anh Nguyễn Hồng N số tiền chênh lệch về tài sản được chia là 197.513.500 đồng (Một trăm chín mươi bảy triệu năm trăm mười ba nghìn năm trăm đồng).

4. Về nợ:

4.1. Buộc anh Nguyễn Hồng N phải có nghĩa vụ trả nợ cho chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Phan Bá Hưng số tiền 25.500.000 đồng (Hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng); có nghĩa vụ trả nợ cho ông Nguyễn Tư N số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

4.2. Buộc chị Đinh Thị T phải có nghĩa vụ trả nợ cho chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Phan Bá Hưng số tiền 25.500.000 đồng (Hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng); có nghĩa vụ trả nợ cho ông Nguyễn Tư N số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, nghĩa vụ thi hành án, lãi suất chậm thi hành và quyền kháng cáo.

Ngày 06 tháng 01 năm 2022, chị Đinh Thị T làm đơn kháng cáo với nội dung:

Về con chung: Chị Trúc yêu cầu được nuôi 02 cháu đến khi trưởng thành và yêu cầu anh Nguyễn Hồng N hỗ trợ kinh tế chăm sóc sức khỏe và khám chữa bệnh đối với cháu Nguyễn Tư N 2.000.000 đồng/tháng đến khi con trưởng thành.

Về tài sản chung: Yêu cầu cơ quan pháp luật có thẩm quyền xem xét hành vi cố tình làm hồ sơ mua bán, sang tên xe 37A-44102 của anh Nguyễn Hồng N và anh Nguyễn Tư L. Yêu cầu anh Nguyễn Hồng N giao toàn bộ hồ sơ mua bán đất ban đầu. Yêu cầu định giá lại tài sản trên đất theo danh mục đã định giá trước đó.

Về nợ chung: Không đồng ý việc chia các khoản nợ chung gồm khoản vay của chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Phan Bá Hưng vì khoản vay này để làm nhà và đã đưa vào tài sản chung để chia. Đối với khoản nợ của ông Nguyễn Tư N chị Trúc không biết nên không đồng ý trả nợ 100.000.000 đồng.

Về án phí: Chỉ đóng những khoản án phí theo nghĩa vụ của công dân còn những khoản án phí tổ chức, cá nhân cố tình làm sai pháp luật tự chịu trách nhiệm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn anh Nguyễn Hồng N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn chị Đinh Thị T giữ nguyên nội dung kháng cáo. Khiếu nại Biên bản định giá ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn và kháng cáo bổ sung yêu cầu triệu tập con trai là Nguyễn Tư P đến phiên tòa để giáo dục cháu trở thành con ngoan, trò giỏi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán được phân công đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự, thủ tục phiên tòa.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Các đương sự, Luật sư đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 75, Điều 76 và Điều 294 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quyền tranh tụng của các đương sự được bảo đảm.

- Về thủ tục kháng cáo: Đương sự kháng cáo trong thời hạn luật định, có nộp tiền tạm ứng án phí nên được Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết là đúng pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 308, Điều 309 BLTTDS chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của chị Trúc đối với khoản nợ chung 200.000.000đ vay của ông Nguyễn Tư L, số tiền này khi vay mua xe chị Trúc không biết và nội dung chuyển tiền không nêu nội dung cho vay nên đây là khoản nợ riêng của anh Nga. Còn các nội dung khác đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Đề nghị sửa phần nghĩa vụ án phí cho đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Đinh Thị Trúc làm trong hạn luật định, nộp dự phí kháng cáo nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa những người liên quan vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt những người liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 227 BLTTDS.

Đối với yêu cầu khiếu nại Biên bản định giá ngày 29/7/2022, Hội đồng xét xử thấy rằng: Khi Hội đồng định giá tiến hành định giá có mặt các đương sự, các

đương sự đã tự thỏa thuận giá trị tài sản và không có ý kiến gì nên việc định giá của Hội đồng định giá đúng quy định Quyết định số 59/2021/QĐ - UBND ngày 14/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An nên không có căn cứ để xem xét.

[2] Xét nội dung vụ án, kháng cáo, yêu cầu của các đương sự:

[2.1] Đối với kháng cáo của chị Trúc yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con đến khi trưởng thành và yêu cầu anh Nguyễn Hồng N cấp dưỡng nuôi con, Nguyễn Tư P mỗi tháng 1.000.000đ, Nguyễn Tư N mỗi tháng 2.000.000đ hỗ trợ kinh tế chăm sóc sức khỏe và khám chữa bệnh đối với cháu Nguyễn Tư N đến khi con trưởng thành.

Hội đồng xét xử thấy rằng, anh Nguyễn Hồng N và chị Đinh Thị T có hai con chung là Nguyễn Tư P, sinh ngày 21 tháng 3 năm 2007 và Nguyễn Tư N, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2014; chị T kháng cáo có nguyện vọng được nuôi hai con chung và yêu cầu anh Nga hỗ trợ kinh tế để chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh cho cháu Nguyễn Tư N 2.000.000 đồng/tháng đến khi cháu trưởng thành. Xét thấy, nuôi con là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ sau ly hôn, việc giao con cho ai chăm sóc, nuôi dưỡng cần căn cứ điều kiện của cha mẹ và quyền lợi mọi mặt của con cái. Anh Nga và chị T đều là giáo viên, thu nhập ổn định, đủ điều kiện, khả năng để nuôi con. Về nguyện vọng của các con, quá trình xét xử tại cấp sơ thẩm cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở với bố. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các điều kiện của cả hai bên và giao cháu Nguyễn Tư P, sinh ngày 21 tháng 3 năm 2007 cho anh Nga trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Giao cháu Nguyễn Tư N, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2014 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với kháng cáo yêu cầu anh Nga hỗ trợ kinh tế, chăm sóc sức khỏe và khám chữa bệnh cho cháu Nguyễn Tư N mỗi tháng 2.000.000đ, quá trình giải quyết vụ án chị T cho rằng cháu Nam bị tật khớp háng khi sanh và chỉ có một quả thận nên cần chế độ ăn uống hợp lý. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện nay căn cứ các tài liệu do chị T xuất trình gồm phiếu siêu âm, phiếu xét nghiệm... đều kết luận không quan sát thấy thận phải, còn các dấu hiệu khác không thấy bất thường. Hiện nay theo chị T và anh Nga trình bày cháu Nam vẫn đến trường và đi học bình thường. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo, yêu cầu của chị T về việc yêu cầu cấp dưỡng và giao hai con chung sau ly hôn cho chị T chăm sóc.

Đối với kháng cáo của chị Đinh Thị T về việc yêu cầu triệu tập con trai Nguyễn Tư P, sinh ngày 21/3/2007 với lý do để con đã bị bố và gia đình bên nội bày dạy không đúng chuẩn mực người con, người học sinh, con đã bị chính bố và gia đình bên nội vẽ hình ảnh người mẹ không đúng sự thật, làm điều không đúng người con bình thường, xúi dục em trai Nguyễn Tư N làm ảnh hưởng đến sự phát triển của em trai. Hội đồng xét xử thấy rằng đối với việc bố mẹ ly hôn thì những người con là bị thiệt thòi nhất, sự có mặt của cháu Pháp tại phiên tòa sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của con chưa thành niên, đồng thời, căn cứ Điều 81

Luật Hôn nhân và Gia đình quy định về việc trông nom, chăm, sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn thuộc trách nhiệm của cha mẹ. Do đó không chấp nhận yêu cầu này của chị T.

[2.3] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Hồng N và chị Đinh Thị T thống nhất tài sản chung của vợ chồng yêu cầu Tòa án chia gồm: Quyền sử dụng đất và công trình, tài sản trên đất tại thửa đất số 2609, tờ bản đồ số 09 nay là thửa số 3439, tờ bản đồ số 09 tại Xóm H, xã X, huyện Nam Đ tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 21/01/2008 mang tên Nguyễn Hồng N và Đinh Thị T; riêng 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota, loại Vios, biển kiểm soát 37A-441.02 mang tên Nguyễn Tư L, tại phiên tòa phúc thẩm chị T cho rằng chiếc ô tô trên là tài sản chung của vợ chồng nhưng không yêu cầu chia mà yêu cầu tách ra để giải quyết sau, nhưng anh Nga không đồng ý nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu này của chị T.

Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả định giá tài sản ngày 19/3/2021 để giải quyết phân chia tài sản. Đối với thửa đất số 2609, tờ bản đồ số 09 nay là thửa số 3439, tờ bản đồ số 09, Xóm H, xã X, huyện Nam Đ tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 21/01/2008 mang tên Nguyễn Hồng N và Đinh Thị T thì diện tích là 226 m². Theo bản đồ đo đạc năm 2018 và đo đạc thực tế ngày 19/3/2021 thì diện tích theo hiện trạng sử dụng là 275,4 m², tăng 49,4 m². Theo lời khai của các đương sự và xác nhận của chính quyền địa phương thì phần diện tích tăng lên là do đo đạc theo hiện trạng và gia đình anh Nguyễn Hồng N và chị Đinh Thị T có sử dụng đất của hộ liền kề. Tại thời điểm đo đạc năm 2017 và hiện tại thì các hộ liền kề đều thống nhất mốc giới, không có tranh chấp gì, phần diện tích tăng lên so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận thì chưa được xem xét để chia mà tạm giao cho đương sự quản lý, sử dụng để liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét công nhận. Hội đồng xét xử chỉ xem xét diện tích đất sử dụng hợp pháp của anh Nguyễn Hồng N và chị Đinh Thị T đã được xác định theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 21/01/2008 là 226 m², trị giá 226 m² x 3.000.000 đồng/1m² = 678.000.000 đồng. Còn các tài sản trên thửa đất của vợ chồng chị Đinh Thị T yêu cầu định giá lại. Căn cứ Biên bản định giá ngày 29/7/2022 xác định: 01 nhà cấp 4 không có trần bê tông, mái lợp tôn thường không có via tăng đa, xây gạch chỉ năm 2009 trị giá 23.303.000 đồng (do các đương sự tự thỏa thuận); 01 nhà ô tô dạy học xây tấp-lô, mái lợp tôn thường trị giá 18.732.000 đồng; nhà vệ sinh, không có mái

bê tông, nằm trong nhà trị giá 3.669.000 đồng; 01 Chuồng gà xây tap-lô, nền láng xi măng trị giá 4.788.000 đồng; giếng khơi thùng trị giá 2.779.000đ, trụ cổng trị giá 3.952.000đ; ốp trụ cổng bằng gạch chẻ 2.160.000đ, bê tông sàn mái cổng 2.829.000đ, dầm cổng 1.071.000đ; dáo ngói loại 110 viên trị giá 1.466.000đ; mái tôn tráng kẽm 14.535.000đ; cửa cổng sắt hộp mã kẽm 4.620.000đ, sân lát gạch men 7.293.000đ; tường xây tap lô 355.000đ; tường xây tap lô không trát 910.000đ; bờ rào cột bê tông 1.012.000đ; bờ rào xây tap lô có giá trị 1.196.000đ. Như vậy, quá trình định giá các đương sự tự thỏa thuận về giá trị tài sản nên căn cứ thỏa thuận của các đương sự xác định tài sản chung trên thửa đất có giá trị 94.670.000đ. Chị Đinh Thị T yêu cầu không chia 01 căn nhà ở vì lý do một phần nhà đang nằm trên đất người khác. Hội đồng xét xử thấy rằng, tại biên bản định giá ngày 29/7/2022 ngôi nhà này các đương sự đã tự thỏa thuận giá trị 23.303.000đ nên cần ghi nhận sự thỏa thuận về giá trị ngôi nhà.

Đối với 01 Xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, loại xe VIOS, biển kiểm soát 37A – 441.02, màu nâu vàng, mang tên Nguyễn Tư L theo kết quả định giá là: 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Như vậy, tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng yêu cầu Tòa án phân chia là 1.222.670.000đ. Theo quy định tại khoản 3 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình thì tài sản chung của vợ chồng được chia đôi và được chia bằng hiện vật, nếu không chia được bằng hiện vật thì chia theo giá trị. Anh Nguyễn Hồng N và chị Đinh Thị T đều có yêu cầu chia đôi tài sản; Tại phiên tòa phúc thẩm anh Nga đề nghị nếu chị T không đồng ý kết quả định giá thì anh xin nhận phần tài sản và đất theo kết quả định giá của cấp sơ thẩm và trích lại tiền cho chị T và trích thêm cho chị T 100.000.000đ nhưng chị T không đồng ý. Hội đồng xét xử thấy rằng chị T là phụ nữ đang nuôi con nhỏ nên cần sự ổn định về chỗ ở hơn so với anh Nga. Do đó, giao đất và toàn bộ công trình trên đất cho chị Đinh Thị T được quyền sử dụng, sở hữu và giao xe ô tô cho anh Nguyễn Hồng N sở hữu, bên nào nhận hiện vật có giá trị lớn hơn trích chênh lệch tài sản cho bên kia. Về giá trị tài sản mỗi người được chia một nửa tài sản tương ứng với số tiền là 611.335.000 đồng. Chia cho chị Đinh Thị T được quyền sử dụng đất và sở hữu các tài sản trên đất tại thửa đất số 2609, tờ bản đồ số 09 nay là thửa số 3439, tờ bản đồ số 09 Xóm H, xã X, huyện Nam Đ tỉnh Nghệ An với tổng trị giá 772.670.000 đồng. Chia cho anh Nguyễn Hồng N được sở hữu 01 Xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, loại xe VIOS, biển kiểm soát 37A – 441.02, màu nâu vàng, mang tên Nguyễn Tư L trị giá: 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm

mười triệu đồng). Chị Đinh Thị T được nhận tài sản là hiện vật trị giá lớn hơn kỷ phần tài sản được chia là 161.335.000 đồng nên buộc chị Đinh Thị T có nghĩa vụ thanh toán số tiền này cho anh Nguyễn Hồng N.

[2.4] Về nợ chung:

Đối với khoản vay của chị Đặng Thị Thanh Hương và anh Phan Bá Hưng: Tại phiên tòa phúc thẩm chị T và anh Nga đều thừa nhận năm 2009 hai vợ chồng có vay tiền mặt của vợ chồng chị Hương và anh Hưng tiền mặt tương đương một cây vàng, thời điểm xét xử sơ thẩm 01 cây vàng có giá trị 51.000.000đ. Khoản vay này anh Nga và chị T vay để làm nhà và đã đưa vào tài sản chung để chia nên chị T và anh Nga phải có nghĩa vụ trả cho Chị Hương và anh Hưng theo đúng quy định của pháp luật.

Về khoản vay của ông Nguyễn Tư N, chị T cho rằng không biết nên không đồng ý trả nợ 100.000.000 đồng cho ông Ngõ và đây là khoản vay riêng của anh Nga. Hội đồng xét xử thấy rằng, tại phiên tòa chị T cung cấp các tài liệu chứng cứ gồm thu nhập từ lương của anh Nga, tiền dạy thêm nhưng không cung cấp được số tiền thu nhập hàng tháng anh Nga dùng để làm gì, số tiền anh Nga rút để mua xe ô tô là bao nhiêu, từ nguồn tiền nào. Căn cứ giấy chuyển tiền vào tài khoản ngày 20/4/2018 ông Ngõ chuyển tiền cho anh Nga số tiền 200.000.000đ và ngày 05/9/2018 anh Nga mua xe. Do đó, có đủ căn cứ xác định số tiền này ông Ngõ chuyển cho anh Nga mua xe, đồng thời chiếc xe ô tô này được nhập vào khối tài sản chung của vợ chồng để chia tài sản chung. Tại cấp phúc thẩm chị T thừa nhận không đưa tiền cho anh Nga mua xe ô tô, không xuất trình được tài liệu nào cho rằng vợ chồng có đủ tiền để mua ô tô nên không có căn cứ để chấp nhận. Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát cho rằng đây là khoản nợ riêng của anh Nga là không có căn cứ. Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị T và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa như đã phân tích ở trên.

[2.5]Đối với yêu cầu cơ quan pháp luật có thẩm quyền xem xét hành vi cố tình làm hồ sơ mua bán, sang tên xe 37A-44102 của anh Nguyễn Hồng N và anh Nguyễn Tư L. Yêu cầu anh Nguyễn Hồng N giao toàn bộ hồ sơ mua bán đất ban đầu. Yêu cầu định giá lại tài sản trên đất theo danh mục đã định giá trước đó. Xét thấy, chiếc xe mang ô tô Vios mang biển kiểm soát 37A-441.02 anh Nga và chị T đều thừa nhận là tài sản chung của vợ chồng để chia khi ly hôn, anh Nguyễn Tư L cũng thừa nhận chiếc xe trên tài sản chung của anh Nga và chị T. Về bản chất chiếc xe ô tô này đang là tài sản chung của anh Nga và chị T và được các bên thừa nhận nên thuộc trường hợp không phải chứng minh. Đối với yêu cầu làm rõ việc sang nhượng xe giữa anh Nga và anh Nguyễn Tư L không làm thay đổi giá trị tài sản chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét nội dung này. Đối với bộ hồ sơ mua bán

đất tại cấp sơ thẩm đã tuyên chị T có quyền liên hệ Cơ quan có thẩm quyền để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với yêu cầu định giá đã tiến hành định giá lại theo quy định của pháp luật và tại Biên bản định giá các đương sự không có ý kiến gì nên không có cơ sở để xem xét.

[2.6] Về án phí: Chị T kháng cáo chỉ đóng những khoản án phí theo nghĩa vụ của công dân còn những khoản án phí tổ chức, cá nhân cố tình làm sai pháp luật tự chịu trách nhiệm. Xét thấy, tại phiên tòa có xác định lại giá trị tài sản chung của vợ chồng nên xác định lại nghĩa vụ án phí của các đương sự theo quy định của pháp luật. Đối với kháng cáo không chịu các khoản phí do các nhân tố cố tình làm sai. Hội đồng xét xử thấy rằng căn cứ khoản 2 điều 147 BLTTDS " *Trường hợp các đương sự không tự xác định được phần tài sản của mình trong khối tài sản chung và có yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung đó thì mỗi đương sự phải chịu án phí sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được hưởng*". Do đó, cấp sơ thẩm vừa buộc các đương sự án phí chia tài sản chung vừa buộc án phí thực hiện nghĩa vụ trong khối tài sản chung là chưa đúng quy định tại điểm c khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Do đó, chấp nhận một phần kháng cáo của chị T về án phí chia tài sản và án phí thực hiện nghĩa vụ.

[3] Từ những phân tích trên có căn cứ để chấp nhận một phần kháng cáo của chị T về xác định giá trị tài sản chung của vợ chồng, còn các nội dung kháng cáo khác đều không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] Về án phí: Kháng cáo của chị Đinh Thị Thị Trúc được chấp nhận một phần nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Về chi phí định giá tài sản: Căn cứ bảng kê chi phí định giá hết 3.300.000đ. Tại thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã thu tại chị Đinh Thị T số tiền 10.000.000đ, chi phí định giá hết 3.300.000đ. Số tiền còn lại 6.700.000đ trả lại cho chị T theo quy định của pháp luật. Đối với số tiền chi phí định giá cần buộc anh Nga chịu 1/2 chi phí số tiền 1.650.000đ, buộc anh Nga trích lại cho chị T. Đối với số tiền còn thừa chị T liên hệ Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An để nhận lại.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; chấp nhận một phần kháng cáo của chị Đinh Thị T; Sửa bản án sơ thẩm về giá trị tài sản chung.

2. Căn cứ Điều 59, Điều 62, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Tư P, sinh ngày 21 tháng 3 năm 2007 cho anh Nguyễn Hồng N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Giao con chung Nguyễn Tư N, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2014 cho chị Đinh Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do cả hai bên đều trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh Nguyễn Hồng N và chị Đinh Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2. Về chia tài sản chung:

2.1. Giao cho anh Nguyễn Hồng N được quyền sở hữu 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota, loại Vios, màu nâu vàng, số khung RL4B29F35J5039617, số máy 2NR X314704, biển kiểm soát 37A-441.02 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 095798, ngày 14/6/2019 của Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Nghệ An mang tên Nguyễn Tư L trị giá 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng). Anh Nguyễn Hồng N được nhận số tiền chênh lệch tài sản chung được chia do chị Đinh Thị T giao lại là 161.335.000 đồng (Một trăm sáu mươi một ngàn ba trăm ba mươi lăm ngàn đồng).

2.2. Giao cho chị Đinh Thị T được quyền sử dụng thửa đất số 2609, tờ bản đồ số 09 nay là thửa số 3439, tờ bản đồ số 09, Xóm H, xã X, huyện Nam Đ tỉnh Nghệ An, diện tích là 226 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An cấp ngày 21/01/2008 mang tên Nguyễn Hồng N và Đinh Thị T trị giá 678.000.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi tám triệu đồng). Tạm giao cho chị Đinh Thị T được quyền sử dụng diện tích đất chưa được công nhận là 49,4 m² tại thửa đất số 2609, tờ bản đồ số 09 nay là thửa số 3439, tờ bản đồ số 09 Xóm H, xã X, huyện Nam Đ tỉnh Nghệ An. Chị Đinh Thị T có quyền, nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan hành chính Nhà nước có thẩm quyền để được xem xét công nhận và làm

thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Giao cho chị Đinh Thị T được sở hữu toàn bộ các công trình trên gồm thửa đất số 2609, tờ bản đồ số 09 nay là thửa số 3439, tờ bản đồ số 09 Xóm H, xã X, huyện Nam Đ tỉnh Nghệ An gồm: 01 nhà cấp 4 không có trần bê tông, mái lợp tôn thường không có via tầng đa, xây gạch chỉ năm 2009 trị giá 23.303.000 đồng; 01 nhà ốt dạy học xây tấp-lô, mái lợp tôn thường trị giá 18.732.000 đồng; nhà vệ sinh, không có mái bê tông, nằm trong nhà trị giá 3.669.000 đồng; 01 Chuồng gà xây tấp-lô, nền láng xi măng trị giá 4.788.000 đồng; giếng khơi thùng trị giá 2. 779.000đ, trụ cổng trị giá 3.952.000đ; ốp trụ cổng bằng gạch chẻ 2.160.000đ , bê tông sàn mái cổng 2.829.000đ, dầm cổng 1. 071.000đ; dáo ngói loại 110 viên trị giá 1.466.000đ; mái tôn tráng kẽm 14.535.000đ; cửa cổng sắt hộp mã kẽm 4.620.000đ, sân lát gạch men 7.293.000đ; tường xây tấp lô 355.000đ; tường xây tấp lô không trát 910.000đ; bờ rào cột bê tông 1.012.000đ; bờ rào xây tấp lô có giá trị 1.196.000đ. Tổng tài sản trên đất theo nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận là 94.670.000 (chín mươi bốn triệu sau trăm bảy mươi ngàn đồng).

Buộc chị Đinh Thị T có nghĩa vụ giao lại cho anh Nguyễn Hồng N số tiền chênh lệch về tài sản được chia là 161.335.000 đồng (Một trăm sáu mươi một ngàn ba trăm ba mươi lăm ngàn đồng).

3. Về nợ:

3.1. Buộc anh Nguyễn Hồng N phải có nghĩa vụ trả nợ cho chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Phan Bá Hưng số tiền 25.500.000 đồng (Hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng); có nghĩa vụ trả nợ cho ông Nguyễn Tư N số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

3.2. Buộc chị Đinh Thị T phải có nghĩa vụ trả nợ cho chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Phan Bá Hưng số tiền 25.500.000 đồng (Hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng); có nghĩa vụ trả nợ cho ông Nguyễn Tư N số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu

thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi

4. Về án phí:

4.1. Buộc anh Nguyễn Hồng N phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn; 26.340.000 đồng (Hai mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng). Tổng số tiền án phí anh Nguyễn Hồng N phải chịu là 26.640.000 đồng (hai mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng). Được khấu trừ vào số tiền 8.100.000 đồng (Tám triệu một trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0003369, ngày 09 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Anh Nguyễn Hồng N còn phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm còn thiếu.

4.2. Buộc chị Đinh Thị T phải chịu 26.340.000 đồng (Hai mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng) tiền án phí chia tài sản;

4.3 Án phí phúc thẩm: Chị Đinh Thị T không phải chịu án phí phúc thẩm, trả lại chị T 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0002236 ngày 24 tháng 02 năm 2021;

5. Về chi phí định giá buộc anh Nguyễn Hồng N trả lại cho chị Đinh Thị T số tiền 1.650.000đ (một triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng)

6. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện Nam Đàn;
- Chi cục THADS huyện Nam Đàn;
- UBND phường hưng Phúc, TP Vinh ;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hải Minh